

YẾU TỐ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO TRONG MỘT SỐ TRUYỆN KỂ DÂN GIAN CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG

HÀ ĐÌNH THÀNH

1. Tín ngưỡng tôn giáo trong tâm thức người Tày, Nùng qua truyện kể dân gian

Giải mã một hình tượng nào đó của truyện kể dân gian, chúng ta phải cố gắng quan sát kỹ lưỡng các hình thức thể hiện các kiểu truyện kể. Làm việc này sẽ giúp ta tách được những tình tiết của truyện kể dân gian ra khỏi hình thức nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo nào đó mà trước đây nó có mối quan hệ mật thiết. Chỉ như vậy, mới hiểu sâu được những giá trị thẩm mỹ của tác phẩm nghệ thuật. Lấy ví dụ qua truyện *Sự tích cây thanh thảo*. Đây là một câu chuyện tình bi thảm, được kể phổ biến ở vùng người Tày, Nùng sinh sống. Sự tích này gắn liền với tín ngưỡng *cầu yên, giải hạn*, trong đó “cây thanh thảo” thơm tho là vật linh thiêng đem lại sự mát mẻ cho người đời.

Then (hay Giàng, Pụt) trước khi hành lễ, bao giờ một tay cũng cầm nén hương, còn tay kia bưng bát nước tinh khiết với một cành thanh thảo. Theo họ, việc đầu tiên là phải đánh thức “cành thanh thảo”, tức là đánh thức “nàng giải vía” để giải vía cho mọi người. Đoạn kết của câu chuyện ở nhiều địa phương kể rằng: “Thương nàng, người đời đem cây ấy về trồng ở bờ vườn, bờ ngõ và đặt tên cho nó là thanh thảo để ghi nhớ và nhắc nhở mọi người khi gả con chớ nên ép buộc”. Có lẽ nội dung là như vậy, nhưng khi hành lễ, Then (hay Giàng, Pụt) có thể lại kết thúc rằng: Vì nàng sống hiếu thảo, thanh tao, chết trinh bạch nên nàng biến thành cây thanh thảo - một biểu tượng của “nàng giải vía” linh thiêng.

Thực tế, trong đời sống của người Tày, Nùng còn có nhiều truyện kể dân gian gắn

liên với các nghi lễ - phong tục cổ xưa hoặc chỉ được ghi nhận trong sự tái hiện các nghi thức tín ngưỡng tôn giáo như các truyện: *Sự tích cây mía, Sự tích con ve sầu, Sự tích cây trúc, Sự tích vách đá nghiêng, Nàng tiên trúng, Tua Tênh Tua Nhi (hay Tua Cốc Tua Nhi, Tua Gia Tua Nhi, Nhị và Tươi,...)* v.v....

Như vậy, dạng thức tín ngưỡng tôn giáo có trước hay truyện kể dân gian có trước? Đây là tình yêu đôi lứa. Đây là ngọn nguồn đem lại những nhận thức thẩm mỹ trong sinh hoạt đời thường? Và có thể dưới con mắt của người Tày, Nùng hiện đại, các hình thức tín ngưỡng tôn giáo được đánh giá là lạc hậu, dị đoan, nhưng có thể với con người ở thời buổi ấy, lại chẳng những hợp lý mà còn giữ vai trò tập hợp cộng đồng, điều tiết xã hội. Theo đó, truyện kể dân gian không phải là tác phẩm nghệ thuật thuần túy, tách khỏi mục đích thực dụng, nó còn gắn bó rất chặt chẽ với tín ngưỡng tôn giáo. Có thể, việc phân tích mối quan hệ giữa truyện kể dân gian Tày, Nùng với tín ngưỡng tôn giáo của họ là một nhận thức lý luận quan trọng trước khi đi sâu vào nghiên cứu, khảo sát những vấn đề khác của văn học dân gian.

Để có thể nhận thức ra mối quan hệ giữa các yếu tố tín ngưỡng tôn giáo và các hình tượng nhân vật trong truyện kể dân gian Tày, Nùng, rõ ràng phải có sự am hiểu sâu sắc về những dạng thức sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Tày, Nùng. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một số nét khái quát về tín ngưỡng tôn giáo được thể hiện trong đời sống tâm linh của người Tày, Nùng trong một số truyện kể dân gian nhằm tạo cơ sở chắc chắn

cho quá trình nghiên cứu những vấn đề khác có liên quan đến văn hóa dân gian Tày, Nùng sau này.

Thứ nhất, trong lịch sử hình thành hai dân tộc Tày, Nùng, nhiều hình thức nghi lễ cổ xưa đã khẳng định rằng, tín ngưỡng tôn giáo bản địa của họ bắt nguồn từ quan niệm vạn vật hữu linh (animisme) và từ chủ nghĩa đa thần nguyên thủy. Trước khi chịu ảnh hưởng Phật giáo, Đạo giáo và Khổng giáo, trong tâm thức người Tày, Nùng đã hình thành những dạng thức tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy, rồi sau đó, trong quá trình giao lưu văn hóa với người Việt (Kinh), người Hán để tạo thành hệ thống tín ngưỡng tôn giáo bản địa Việt cổ (Proto - Việt) như *tục thờ tổ tiên, dòng họ và tục thờ tổ sư các ngành nghề, tục tin vào các “phĩ”* (thánh thân, ma quỷ). Có thể thừa nhận rằng trong đời sống văn hóa của người Tày, Nùng hiện nay vẫn không có một thứ tôn giáo nào ngự trị duy nhất mà vẫn lấy *tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, dòng họ* làm nền tảng tín ngưỡng tôn giáo để giáo dục cộng đồng và gia đình.

Thứ hai, sự ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo vào đời sống tâm linh của người Tày, Nùng là có thật. Nhưng phải thừa nhận rằng, trong ba loại tôn giáo đó, Phật giáo có nhiều ảnh hưởng hơn cả. Người Tày, Nùng quan niệm: ông Phật là Đấng cứu thế luôn luôn ban phát mọi điều tốt lành cho loài người. Trong tâm thức dân gian của người Tày, Nùng, *ông Phật Thích Ca Mâu Ni* đã chuyển hóa thành *Mẻ Pứt Xích Ca* (Mẹ Phật Thích Ca). Việc chuyển hóa này đã dẫn đến sự xuất hiện một hệ thống truyện kể dân gian vốn là pho thần thoại về “Vị nữ thần tối cao của người Tày, Nùng” (Then Luông) thành một hệ thống truyện kể về *Pứt Luông*. Như vậy, người Tày, Nùng có thể đã tiếp nhận Phật giáo theo nguyên tắc lựa chọn

riêng. Họ thu nạp các giới thuyết, đạo lý thông thường để xây dựng những phẩm chất cũng như những mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, giữa đạo với đời, phù hợp với tâm lý cộng đồng và đạo đức thuần hậu.

Với *Đạo giáo*, có thể nội dung nghi lễ và triết lý của nó cũng đã thấm thấu vào chiều sâu tâm linh của người Tày, Nùng theo chiều hướng tích cực, và đáp ứng được tâm lý trọng thực tiễn của họ. Còn *Nho giáo*, chắc chắn đã ảnh hưởng đến người Tày, Nùng muộn màng hơn so với hai tôn giáo trên; và có thể thâm nhập vào truyện kể dân gian Tày, Nùng chủ yếu là qua *chữ nghĩa* của tầng lớp nho sĩ bình dân. Do vậy, người Tày, Nùng ở Việt Nam đã chịu ảnh hưởng không nhỏ của Tam giáo từ Trung Quốc sang hay từ miền xuôi lên với những hình thức nghi lễ, giáo lý ưu việt và khả thi.

2. Yếu tố tín ngưỡng tôn giáo trong một số truyện kể dân gian của người Tày, Nùng

2.1. Báo Luông - Slao Cải

2.1.1. Truyện được kể tóm tắt: Lúc bấy giờ, ở Cao Bằng chỉ có hai người. Người con trai tên là Báo Luông, người con gái tên là Slao Cải. Tuy cả hai người cùng sống trong khu rừng, nhưng họ chưa bao giờ gặp nhau. Tình cờ, Báo Luông và Slao Cải gặp nhau trong hang Ngườm Bốc và họ đã trở thành vợ chồng. Họ lần lượt đẻ được 100 người con và chia số con thành hai nhóm. *Nhóm săn bắn* do con trai lớn cầm đầu. *Nhóm trồng cấy* do con gái lớn cầm đầu. Họ tìm ra lửa, tạo ra giống lúa, chế ra cối giã gạo, cày, bừa; họ thuần dưỡng trâu bò, khai phá được nhiều cánh đồng phì nhiêu; và sau đó, họ tiếp tục thuần dưỡng nhiều loại thú nuôi, trồng thêm nhiều loại hoa quả... .

Công việc chăn nuôi, trồng trọt của nhà Báo Luông càng ngày càng mở mang, nên

càng bê bộn, vì vậy họ đi lại gặp nhiều khó khăn. Báo Luông bàn với vợ con di chuyển nhà xuống dưới thấp để tiện trông nom vườn trại. Vợ chồng Báo Luông và các con xúm tay vào dựng nhà mười hai gian trong khoảng thời gian mười ngày. Cũng từ đó, năm mươi người con trai và năm mươi người con gái của Báo Luông - Slao Cải đều thành vợ thành chồng. Những cặp vợ chồng sinh con đẻ cái ngày càng nhiều. Họ phân chia đi các ngã lập thành chòm bản, và ở mỗi chòm bản đều có một họ riêng như họ *Nông*, họ *Bế*, họ *Hoàng*, họ *Lê*, họ *Phạm*,... Báo Luông, Slao Cải lúc ấy có rất nhiều cháu chất quăn quít bên cạnh; họ đã được gọi là Pú Luông và Già Cải (Pú, Già: tiếng Tày nghĩa là ông, bà).

Khi hai ông bà qua đời, nghĩ đến công lao của họ đã sinh ra loài người, khai phá ruộng nương, thuần dưỡng thú rừng, lập nên bản mường, các con cháu đã lập đền thờ để ghi nhớ công ơn. Ngày nay đền thờ hai ông bà Pú Luông và Già Cải hãy còn ở giữa cánh đồng làng Bảo Vạn.

2.1.2. Có lẽ để nối tiếp công việc sinh đẻ, khai hoang vỡ ruộng, thuần dưỡng thú rừng, người Tày, Nùng đã sáng tạo ra hai người khổng lồ :”Báo Luông, Slao Cải”. Truyện kể này đã trở thành biểu tượng mang đậm tính nhân bản, gắn liền với *ngghi lễ thờ cúng tổ tiên* ở nhiều vùng người Tày, Nùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn. Hơn nữa, đối với người Tày, Nùng, truyện kể “Báo Luông - Slao Cải” là sự hồi tưởng để củng cố tình cảm với tổ tiên, dòng họ trước những thử thách của cả cộng đồng tộc người. Công cuộc khai phá ruộng nương, thuần dưỡng vật nuôi, chế tác công cụ sản xuất, trị thủy và chống thú dữ... còn lưu lại nhiều dấu tích tôn giáo tín ngưỡng trong các nghi lễ dân gian cũng như trong cảnh quan hiện thực của đời

sống văn hóa Tày, Nùng như *các lễ nghi cầu cúng Trời, Phật, Thánh thần và tống tiễn các loại ma quỷ làm hại người*.

2.2. Vợ chồng mặt Trời và lễ rước Nàng Hai

2.2.1 Truyện kể rằng: vào những đêm trời quang mây tạnh, loài người thấy cả bầu trời chi chít những vì sao lấp lánh như những hạt thóc, hạt ngô. Đó chính là đám ruộng của hai vợ chồng người khổng lồ (*Mặt Trời* là chồng, *Mặt Trăng* là vợ). Hai vợ chồng người khổng lồ này làm việc chăm chỉ, miệt mài không bao giờ nghỉ. Ngoài công việc chiếu sáng ở *cõi Trần gian*, họ còn phải cấy lúa để lấy cái ăn mà tồn tại. Họ gieo mạ khắp cả *Cõi Trời* và cấy lúa cũng khắp cả *Cõi Trời*. Lúc mây quang thì họ gieo mạ. Đến khi mây phủ đầy *Cõi Trời* là lúc họ bừa và cấy. Quanh năm suốt tháng, họ cứ cấy rồi lại gieo, vì thế *Cõi Trần gian* nắng mưa thất thường. Về mùa đông, họ thường ủ ruộng cho ngấu, cho nên mùa đông không có nắng, và *Cõi Trần gian* trở nên rét buốt. Hai vợ chồng người khổng lồ làm ruộng chẳng có vụ có mùa. Lúa của họ lúc chín sớm, lúc chín muộn nên loài người hàng tháng không nhìn thấy bóng dáng họ. Những ngôi sao trên *Cõi Trời* chính là những hạt lúa. Hạt lúa ấy to, đẹp, óng ánh hơn hạt lúa của loài người. Cho nên, vào những đêm sáng trăng, hễ đứa trẻ nào nằm ngửa đếm sao thì bố mẹ hay ông bà của nó mắng mỏ vì hạt giống nào bị đếm thì hạt đó sẽ không nảy mầm được.

Vợ chồng “Mặt Trời - Mặt Trăng” cứ mãi mê với công việc nên họ rất ít khi gặp được nhau. Thấy cảnh ấy cứ diễn ra mãi mãi nên loài người nhìn lên *cõi Trời* mà hát:

Anh đi đâu, em đi theo
Anh lên núi, em xuống đèo
(*Pỉ pây tẩu, nõng pây đuối*
Pỉ khỏn khâu, nõng lỏng khuối)

Lâu lâu, chồng *Mặt Trời* mới có dịp đến “phủ” vợ *Mặt Trăng* ⁽¹⁾. Những lúc ấy, loài người làm mâm cỗ để cúng, cũng như đem *loóng* ra gõ để cầu mong chồng *Mặt Trời* nhà vợ *Mặt Trăng* ra đàng miệng để năm ấy *cõi Trần gian* được mùa ⁽²⁾...

2.2.2. Trong vùng cư trú của người Tày, Nùng, người ta đã gắn hình tượng *Mặt Trăng*, *Mặt Trời* vào một số lễ thức nông nghiệp nghiêm trang, đẹp đẽ và thơ mộng. Lễ rước *Nàng Hai* (*Mặt Trăng*) là mời *nàng Mặt Trăng* (vợ của *Mặt Trời*) xuống *cõi Trần gian* cầu chúc, phù hộ cho loài người ở *cõi Trần gian* sống yên lành, thịnh vượng, khoẻ mạnh và mùa màng bội thu... *Lễ rước Nàng Hai* trong truyện kể trên phải chăng là một trong những hình thức nghi lễ của *tín ngưỡng cầu mùa, cầu đảo* trong đời sống tâm linh của người Tày, Nùng xưa kia.

2.3. *Nàng Trúng* (*Nàng Sáy*)

2.3.1. *Nội dung truyện kể được tóm tắt bằng mấy tình tiết sau:*

- Chàng trai cậy nhờ con chó chín đuôi tinh khôn, đã kết hôn với “cô gái đẹp hiện ra từ quả trứng”.

- Chàng trai phạm phải điều cấm kỵ, *nàng tiên Trúng* biến vào trong một hang sâu thẳm.

- Chàng trai buộc phải thử tài và nhờ sự trợ giúp của chó chín đuôi tinh khôn, châu chấu, tắc kè, con nhện, đàn vịt, cái hộp, khúc gỗ mục,... mà chiến thắng.

- Vợ chồng *nàng Trúng* đoàn tụ sau nghi thức kén rể và chiến thắng vua *Vượn*.

- *Vượn* con là con trai của *nàng Trúng* lên đường đánh *Dả Dỉn*, trừ hổ dữ, mở núi, xây dựng bản làng.

- *Nàng Trúng* lại bị tên vua độc ác bắt về cung điện.

- Anh em *Vượn* con diệt vua ác, giải thoát mẹ và lên ngôi Hoàng đế.

2.3.2. Khảo sát kỹ nội dung cốt truyện *Nàng Trúng*, chúng tôi nhận thấy ở truyện này tồn tại hai tình tiết quan trọng. Một là truyện này còn bảo lưu được một số mô típ mang đậm tính chất Thái cổ. Hai là trên những chặng đường phát triển của xã hội, bản chất lịch sử - xã hội và thẩm mỹ trong truyện kể này chỉ được hình thành sau một quá trình lắng đọng, nhiều tầng. Và trong truyện *Nàng Trúng*, các loại mô típ cổ xưa gắn với những nghi thức tín ngưỡng tôn giáo Tày, Nùng gồm có mô típ *người đẹp hiện ra từ quả trứng*, mô típ *chó chín đuôi tinh khôn*, mô típ *châu chấu bay ra từ mũi chó*, mô típ *mụ Dả Dỉn* bài tiết ngập thung lũng. Sau đó là đến loại mô típ phản ánh các dạng thức sinh hoạt xã hội như *dũng sĩ diệt vượn già cứu người đẹp*, mô típ *dũng sĩ cứu người đẹp dưới hang sâu thẳm*, mô típ *diệt Dả Dỉn và thú dữ cứu bản làng*, mô típ *trống thần*... Các loại mô típ này có cội nguồn từ tiềm thức tín ngưỡng dân gian, nhưng chúng chỉ còn gắn với các nghi lễ ở dạng tàn tích. Ngoài ra, trong loại mô típ thứ hai này còn chứa đựng các dạng mô típ thuộc lớp loại hình lịch sử văn hóa nuộn hơn: mô típ *kén rể*, mô típ *cướp vợ*, mô típ *lên ngôi vua tập thể* của các chàng trai kỳ tài...

Hơn nữa, trong đời sống văn hóa tâm linh của người Tày, Nùng, cách hiểu về hình tượng nhân vật “người đẹp hiện ra từ quả trứng” ít nhất là tương ứng với những biểu tượng được tổng hợp lại theo các mối liên hệ gắn kết trong cùng một hệ ngữ nghĩa. Chắc chắn đã có một thời kỳ khá dài trong đời sống văn hóa Tày, Nùng, biểu tượng “trúng” ở các nghi lễ ma thuật thường xuyên đánh

thức tâm hồn người Tày, Nùng và đã phô ra qua các biểu tượng phong tục, tập quán dân gian.

Có thể nói rằng *Nàng Trúng* là một sự tích sống động trong sinh hoạt văn hóa dân gian Tày, Nùng. Truyện kể này, ngoài việc ca ngợi các anh hùng lao động, sáng tạo văn hóa, đấu tranh chống áp bức, cường quyền,... còn hàm chứa những vết tích tín ngưỡng vật linh. Chính qua nội dung truyện kể *Nàng Trúng*, chúng tôi đã ít nhiều hệ thống được các biểu tượng tín ngưỡng tôn giáo cổ truyền có liên quan đến các mô típ “người đội lốt trúng”. Hiện tượng này cũng dẫn đến việc lý giải những biểu tượng tín ngưỡng tôn giáo trong nghi lễ của người Tày, Nùng xưa. Và qua đó, có thể tìm hiểu thêm những nghi thức về “trúng” như *lễ nói số*, *lễ mừng thọ*, *lễ cầu mát* của người Tày, Nùng.

3. Nhận xét

3.1. Kho tàng văn học dân gian của người Tày, Nùng hết sức phong phú trong đó truyện kể dân gian chiếm tỷ lệ lớn. Cho đến nay, phần lớn các truyện đã được tuyển chọn và giới thiệu rộng khắp.

Một bộ phận cốt truyện của truyện kể dân gian Tày, Nùng có cơ sở ở folklore nguyên thủy. Về phương diện này, tiêu biểu hơn cả là nhóm truyện kể dân gian mà nhân vật chính mang những nét tương đồng di truyền của người anh hùng văn hóa trong thần thoại cổ đại như Then Luông, Pú Luông Quân, Cầu Khây, Pụt Luông... Dấu vết của những tín ngưỡng tôn giáo thời cổ hiện ra khá rõ trong hàng loạt truyện kể của người Tày, Nùng.

3.2. Quan niệm về vũ trụ của người Tày, Nùng cũng chính là quan niệm được nhân hoá triệt để. *Thần Gió* khổng lồ hung hãn đến mấy cũng chỉ là “thằng Lôi” lăm mồm và láu

cá như nhân vật mô coi của người Tày, Nùng. *Thần Gió* chỉ là ông già to xác, ngồi trên đỉnh đèo, nơi đi lại giữa *cõi Trời* và *cõi Trần gian*, thỉnh thoảng lại phùng má, trợn mắt thổi chơi. Các vị thần này tuy có tốt bụng nhưng không có chỗ đứng trong hệ thống truyện kể dân gian sau này.

Nếu đứng trên quan điểm folklore học thì tính duy lý trong tư duy sáng tạo thẩm mỹ Tày, Nùng trên thực tế cũng chưa đủ sức hòa tan được tinh thần cộng cảm và tín ngưỡng duy linh trong tâm thức dân gian. Tính duy lý chặt chẽ của Khổng giáo đã chi phối khá mạnh đến các nguyên tắc lựa chọn và thu nạp một số thành tố trong các nhóm truyện kể dân gian nhất định. Nó đã góp phần thanh lọc một số dạng thức không còn thích hợp trong bối cảnh có sự giao lưu văn hóa theo chiều hướng tích cực khiến cho trường thẩm mỹ trong tư duy của người Tày, Nùng cổ vốn nằm ở ranh giới giữa *hư* và *thực* đã chuyển biến tạo đà cho tính hiện thực trong truyện kể dân gian phát triển.

3.3. Nghiên cứu truyện kể dân gian Tày, Nùng cần phải tìm hiểu các dạng thức sinh hoạt tinh thần được biểu hiện trong lịch sử tộc người, mà các dạng thức này có sự gắn kết chặt chẽ với đời sống văn hóa dân gian. Đó là tất cả những quan niệm về vũ trụ nhân sinh, về phong tục tập quán, về tín ngưỡng tôn giáo được thể hiện trong cách ứng xử theo chức năng thực hành sinh hoạt văn hóa xã hội.

3.4. Sống ở thời kỳ mà trình độ khoa học chưa phát triển, tri thức của con người còn thấp, thì đứng trước những khó khăn của cuộc sống không có cách nào để vượt qua, những ước vọng cao đẹp của con người chưa có phương cách để đạt được, người Tày, Nùng cảm thấy con người trở nên bất lực, bé bỏng, nên họ đành tin vào sức mạnh siêu

hình: ma quỷ, thần thánh, Trời, Phật, Ngọc Hoàng... Họ đã thực sự tin vào sức mạnh siêu hình đó thì nhất định họ phải cầu mong sức mạnh đó trợ giúp họ vượt qua mọi khó khăn, đạt được nguyện vọng, do đó đã sinh ra các tục lệ tín ngưỡng cầu khẩn Trời, Phật... mà những tàn dư của chúng còn rơi rớt lại cho đến ngày nay. Do vậy, trong truyện kể dân gian Tày, Nùng có những yếu tố tín ngưỡng tôn giáo là điều không có gì đáng ngạc nhiên. Những yếu tố tín ngưỡng tôn giáo ấy có thể sẽ được loại trừ dần và chỉ giữ lại những yếu tố hiện thực có giá trị nghệ thuật.

3.5. Vấn đề then chốt của truyện kể dân gian nhiều khi được giải quyết trong điều

kiện kết hợp giữa mặt ngữ văn và mặt sinh hoạt văn hóa. Có thể qua truyện kể dân gian, chúng ta mới nhận ra những quan niệm triết lý truyền thống từ lâu đã tiềm ẩn dưới những hình thức tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội thần bí để miêu thuật lại một hiện tượng văn hóa cổ cho thật xác đáng.

Chú thích

1. Tiếng Tày là: Con cấp cằng kin Nàng Hai
2. Người Tày, Nùng đem loống ra gõ cũng có ý xua đuổi Mặt Trời đừng phủ Nàng Hai của họ quá lâu vì trong tâm thức của họ, Nàng Hai là vị cứu tinh và là vị nữ thần được họ yêu quý hết mực.

THÔNG BÁO VỀ CUỘC THI VẼ MẪU BÌA VÀ BIỂU TƯỢNG TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC

Tạp chí Dân tộc học là cơ quan thông tin, ngôn luận của ngành Dân tộc học Việt Nam, ra đời từ năm 1974 (tiền thân là tờ Thông báo Dân tộc học, được xuất bản trong các năm 1972 và 1973). Trải qua gần 30 năm hoạt động, Tạp chí đã đạt nhiều thành tựu và được bạn đọc chú ý cả nội dung lẫn hình thức.

Hiện nay, Tạp chí Dân tộc học đang nỗ lực phấn đấu để góp phần vào sự phát triển của ngành Dân tộc học Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, Tạp chí cần cải tiến hơn nữa về nội dung và hình thức. Vừa qua, Toà soạn Tạp chí đã quyết định trong thời gian tới, sẽ thay đổi mẫu bìa và biểu tượng của Tạp chí Dân tộc học. Để có mẫu bìa và biểu tượng xứng đáng, Tạp chí Dân tộc học sẽ tổ chức cuộc thi để tuyển chọn. Thời gian nhận bản vẽ dự thi là từ 1 - 5 đến 31 - 12 - 2002 (theo dấu của bưu điện, nếu người gửi ở xa). Toà soạn sẽ tổ chức tuyển chọn và công bố kết quả vào Quý I năm 2003. Tác phẩm được sử dụng sẽ được nhận giải thưởng trị giá 5 triệu đồng.

Vậy trân trọng kính báo để bạn đọc gần xa được biết và tham gia cuộc thi này. Bài dự thi xin gửi về địa chỉ của Toà soạn Tạp chí (ngoài phong bì ghi rõ: Dự thi vẽ mẫu bìa và biểu tượng Tạp chí Dân tộc học).

TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC